

Số: **017144** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15412.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : BỘT KEM BÉO THỰC VẬT - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-96
Ngày lấy mẫu : 17/08/2022
Lượng mẫu : 01 túi x 01kg
Ngày nhận mẫu : 17/08/2022
Người gửi mẫu : Hà Quang Khoa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Listeria monocytogenes</i>	HD.PP.09.03/TT.VS (TCVN 7700-2:2007) (d)	< 10 CFU/g	17/08/2022
2	Enterobacteriaceae	AOAC 2003.01 (TCVN 9980:2013) (d)	< 10 CFU/g	17/08/2022
3	<i>Salmonella spp.</i>	HD.PP.10-05/TT.VS:2021 (Ref. TCVN 8342:2010) (d)	Không phát hiện/25 g	17/08/2022
4	Độc tố ruột của tụ cầu (Staphylococcal enterotoxins)	TCVN 12753:2019 (ISO 19020:2017) (d)	Âm tính/25 g	18/08/2022
5	Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase	TCVN 4830-1:2005 (d)	< 10 CFU/g	17/08/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

22-08-2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày
Y TẾ CÔNG CỘNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



***Ts. Nguyễn Đức Thịnh**

Số: **017145** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15413.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : BỘT KEM BÉO THỰC VẬT – NGÔI SAO PHƯƠNG NAM
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-96
Ngày lấy mẫu : 17/08/2022
Lượng mẫu : 01 túi x 200 g
Ngày nhận mẫu : 17/08/2022
Người gửi mẫu : Hà Quang Khoa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/08/2022
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/08/2022
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	19/08/2022
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	19/08/2022
5	Thiếc (Sn)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 2 mg/kg	19/08/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-08-2022**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



T. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **017146** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15414.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : BỘT KEM BÉO THỰC VẬT – NGÔI SAO PHƯƠNG NAM
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-96
Ngày lấy mẫu : 17/08/2022
Lượng mẫu : 01 túi x 200 g
Ngày nhận mẫu : 17/08/2022
Người gửi mẫu : Hà Quang Khoa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK (Ref. AOAC 2005.08) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	18/08/2022
2	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK (Ref. AOAC 2005.08) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	18/08/2022
3	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	18/08/2022
4	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	18/08/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-08-2022**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **017147** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15415.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : BỘT KEM BÉO THỰC VẬT – NGÔI SAO PHƯƠNG NAM
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-96
Ngày lấy mẫu : 17/08/2022
Lượng mẫu : 01 túi x 200 g
Ngày nhận mẫu : 17/08/2022
Người gửi mẫu : Hà Quang Khoa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
2	Fipronil	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	18/08/2022
3	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	18/08/2022
4	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	18/08/2022
5	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	18/08/2022
6	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	18/08/2022
7	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	18/08/2022
8	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/08/2022
9	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	18/08/2022
10	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
11	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	18/08/2022
12	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	18/08/2022

Mã số mẫu: 15415.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
14	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
15	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	18/08/2022
16	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
17	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	18/08/2022
18	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	18/08/2022
19	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	18/08/2022
20	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	18/08/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-08-2022**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **017148** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15416.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : BỘT KEM BÉO THỰC VẬT – NGÔI SAO PHƯƠNG NAM
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SB-96
Ngày lấy mẫu : 17/08/2022
Lượng mẫu : 01 túi x 200 g
Ngày nhận mẫu : 17/08/2022
Người gửi mẫu : Hà Quang Khoa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	19/08/2022
3	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	19/08/2022
4	Colistin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	19/08/2022
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	18/08/2022
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	18/08/2022
7	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	19/08/2022
8	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	18/08/2022

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
9	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	19/08/2022
10	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	18/08/2022
11	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	18/08/2022
12	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	18/08/2022
13	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/08/2022
14	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/08/2022
15	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
16	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
17	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/08/2022
19	Benzympenicilin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	19/08/2022
20	Procaine benzympenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	19/08/2022
21	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/08/2022
22	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	19/08/2022
23	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	17/08/2022
24	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	19/08/2022
25	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	19/08/2022
26	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	19/08/2022
27	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
28	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	19/08/2022
29	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022

Mã số mẫu: 15416.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
31	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
32	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	19/08/2022
33	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
34	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	18/08/2022
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	18/08/2022
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	18/08/2022 CỘNG
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	18/08/2022 INH

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **22-08-2022**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh